

Số: 2809/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 05 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; các Thông tư của Bộ Nội vụ: số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập; số 29/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và các Văn bản: số 384/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 12/02/2020 về tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2020; số 3125/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 23/7/2019 về việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2205/TTr-SNV ngày 15/9/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020.

## **Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Đề án**

1. Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo đúng quy định. Là cơ quan Thường trực Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Đề án theo đúng quy định của pháp luật.

### **2. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh: Ban hành Quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020; Ban hành Quy định minh chứng, chấm điểm hồ sơ, điểm tăng thêm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020 chậm nhất sau 07 ngày kể từ ngày ban hành Đề án;

- Hướng dẫn sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ và quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng trong kỳ xét thăng hạng chậm nhất sau 07 ngày kể từ ngày ban hành Đề án;

- Tổ chức thẩm định hồ sơ, chịu trách nhiệm cử giáo viên có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thuộc thẩm quyền quản lý dự xét thăng hạng.

### **3. Sở Tài chính có trách nhiệm đảm bảo kinh phí triển khai thực hiện Đề án.**

4. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm đăng tải kịp thời các văn bản triển khai của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Thông báo của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức thẩm định hồ sơ, chịu trách nhiệm cử giáo viên có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện thuộc thẩm quyền quản lý dự xét thăng hạng; phối hợp tổ chức thực hiện kỳ xét thăng hạng theo đúng quy định của pháp luật.

## **Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *trung*

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC. *trung*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Khắc Thận**

Số 01 /ĐA-UBND

Thái Bình ngày 05 tháng 10 năm 2020

**ĐỀ ÁN**

**TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG IV  
LÊN HẠNG III, TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN MẦM NON,  
TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ CÔNG LẬP TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2020**

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; các Thông tư của Bộ Nội vụ: số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập; số 29/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và các Văn bản: số 384/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 12/02/2020 về tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2020; số 3125/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 23/7/2019 về việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình: số 03/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 ban hành quy định quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Bình; số 10/2018/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Để đảm bảo cơ cấu của đội ngũ viên chức ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Bình, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức; Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020 như sau:

**I. THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU ĐĂNG KÝ DỰ XÉT**

**1. Thực trạng số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp**

Tổng số viên chức là giáo viên mầm non, phổ thông công lập hiện có tại tỉnh Thái Bình là 16.871 người; trong đó, giáo viên mầm non là 2.038 người, giáo viên tiểu học là 6.605 người, giáo viên trung học cơ sở là 6.017 người, giáo viên trung học phổ thông là 2.211 người. Cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo hạng như sau:

Chức danh nghề nghiệp hạng I: 04 người (chiếm 0,02 %)

Chức danh nghề nghiệp hạng II: 7.747 người (chiếm 45,92 %)

Chức danh nghề nghiệp hạng III: 8.500 người (chiếm 50,38 %)

Chức danh nghề nghiệp hạng IV: 620 người (chiếm 3,68 %)

*(Có bảng thống kê số lượng, cơ cấu giáo viên từng cấp học kèm theo: Biểu mẫu MN, TH, THCS, THPT).*

## **2. Nhu cầu đăng ký dự xét.**

Tỉnh Thái Bình đã thực hiện rà soát nhu cầu đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập năm 2020. Số viên chức có nhu cầu đăng ký dự xét là 1.865 người, chiếm 12,72 % trên tổng số 14.660 viên chức giáo viên. Cụ thể nhu cầu dự xét thăng hạng đối với từng chức danh như sau:

- Thăng hạng lên chức danh Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.04): 228 người;

- Thăng hạng lên chức danh Giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05): 49 người;

- Thăng hạng lên chức danh Giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.07): 555 người;

- Thăng hạng lên chức danh Giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.06): 250 người;

- Thăng hạng lên chức danh Giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11): 780 người;

*(Có bảng thống kê nhu cầu thăng hạng kèm theo).*

## **3. Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

Tổng số viên chức được các cơ quan, đơn vị đăng ký đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp là 1.820 người, cụ thể:

- Thăng hạng lên chức danh Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.04): 224 người (*biểu mẫu số MN.01*);

- Thăng hạng lên chức danh Giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05): 49 người (*biểu mẫu số MN.02*);

- Thăng hạng lên chức danh Giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.07): 543 người (*biểu mẫu số TH.01*);

- Thăng hạng lên chức danh Giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.06): 243 người (*biểu mẫu số TH.02*);

- Thăng hạng lên chức danh Giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11): 761 người (*biểu mẫu số THCS.01*);

(*Có Danh sách kèm theo*).

## **II. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ XÉT**

### **1. Đối tượng dự xét thăng hạng:**

#### **1.1. Bậc Mầm non:**

- Giáo viên mầm non hạng IV (mã số: V.07.02.06) thăng hạng lên Giáo viên mầm non hạng III (mã số: V.07.02.05): là giáo viên mầm non, đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh Giáo viên mầm non hạng III quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/ 9 /2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non công lập.

- Giáo viên mầm non hạng III (mã số: V.07.02.05) thăng hạng lên Giáo viên mầm non hạng II (mã số: V.07.02.04): là giáo viên mầm non, đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III và đang là Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hoặc Tổ phó chuyên môn, Tổ trưởng tổ chuyên môn năm học 2019-2020; đối với các trường không bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó thì đối tượng dự xét là Tổ trưởng tổ nhà trẻ, Khối trưởng (khối 5 tuổi, 4 tuổi, 3 tuổi) năm học 2019-2020; có đủ tiêu chuẩn, điều kiện; có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh Giáo viên mầm non hạng II quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

#### **1.2. Bậc Tiểu học:**

- Giáo viên tiểu học hạng IV (mã số: V.07.03.09) thăng hạng lên Giáo viên tiểu học hạng III (mã số: V.07.03.08): là giáo viên tiểu học, đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh Giáo viên tiểu học hạng III quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

- Giáo viên tiểu học hạng III (mã số: V.07.03.08) thăng hạng lên Giáo viên tiểu học hạng II (mã số: V.07.03.07): là giáo viên tiểu học, đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh Giáo viên tiểu học hạng II quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

1.3. Bậc Trung học cơ sở: Giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số: V.07.04.12) thăng hạng lên Giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số: V.07.04.11): là giáo viên trung học cơ sở, đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh Giáo viên trung học cơ sở hạng II quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

1.4. Đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ sở giáo dục chuyên biệt (có chức năng dạy học và giáo dục chương trình, kế hoạch thuộc các bậc học mầm non, phổ thông công lập): Đối tượng dự xét thăng hạng phải thuộc các đối tượng nêu trên và đồng thời là giáo viên dạy học và giáo dục theo chương trình, kế hoạch giáo dục cấp tiểu học, trung học cơ sở; không xét đối với giáo viên đang dạy nghề (sau đây gọi chung là giáo viên).

(Trong đó: Tổ trưởng, tổ phó chuyên môn là người được bổ nhiệm đầu năm học 2019-2020; và các trường hợp bổ nhiệm thay thế người nghỉ hưu, chuyển công tác. Đối với trường hợp không bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó tại cấp mầm non thì đối tượng dự xét là Tổ trưởng tổ nhà trẻ, Khối trưởng (khối 5 tuổi, 4 tuổi, 3 tuổi) năm học 2019-2020.)

## **2. Điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký xét thăng hạng**

**2.1. Điều kiện đăng ký xét thăng hạng:** Viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đơn vị sự nghiệp có nhu cầu, đúng vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập; có văn bản của thủ trưởng đơn vị sử dụng viên chức cử tham dự xét thăng hạng ở hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét.

b) Đang giữ chức danh nghề nghiệp ở hạng thấp hơn liền kề chức danh nghề nghiệp đề nghị xét thăng hạng trong cùng ngành, lĩnh vực, cụ thể:

- Giáo viên mầm non hạng IV (mã số: V.07.02.06) thăng hạng lên Giáo viên mầm non hạng III (mã số: V.07.02.05);

- Giáo viên mầm non hạng III (mã số: V.07.02.05) thăng hạng lên Giáo viên mầm non hạng II (mã số: V.07.02.04);

- Giáo viên tiểu học hạng IV (mã số: V.07.03.09) thăng hạng lên Giáo viên tiểu học hạng III (mã số: V.07.03.08);

- Giáo viên tiểu học hạng III (mã số: V.07.03.08) thăng hạng lên Giáo viên tiểu học hạng II (mã số: V.07.03.07);

- Giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số: V.07.04.12) thăng hạng lên Giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số: V.07.04.11);

c) Được cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng viên chức đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian 03 (ba) năm liên tục (năm 2017, 2018, 2019) và tính đến thời điểm nộp hồ sơ, có phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

**2.2. Tiêu chuẩn xét thăng hạng:** Viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi có đủ các tiêu chuẩn sau:

**a) Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giáo viên mầm non hạng IV (mã số V.07.02.06) thăng hạng lên Giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05)**

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực

ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương theo quy định;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương theo quy định;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên mầm non hạng III.

- Bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của người có thẩm quyền bổ nhiệm và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của chức danh Giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05), cụ thể:

+ Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa tại các lớp bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp trường trở lên; hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

+ Đề xuất các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ (khối) chuyên môn;

+ Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học Mầm non cấp trường trở lên;

+ Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp trường trở lên; tham gia hướng dẫn, đánh giá thực tập sư phạm của sinh viên (nếu có).

- Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận người có thẩm quyền bổ nhiệm và các minh chứng (nếu có, như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan) về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh Giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05), cụ thể:

+ Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non;

+ Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non;

+ Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;

- Giáo viên thăng hạng từ chức danh giáo viên mầm non hạng IV lên chức danh giáo viên mầm non hạng III phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV (mã số: V.07.02.06) hoặc ngạch tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên (không kể thời gian tập sự), trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV hoặc ngạch giáo viên mầm non (mã số 15.115) từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

**b) Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05) thăng hạng lên Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.04):**

- Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trở lên;
- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương theo quy định;
- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương theo quy định;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên mầm non hạng II.
- Bản nhận xét của đại diện Ban Giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của người có thẩm quyền bổ nhiệm và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của chức danh Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.04), cụ thể:
  - + Tham gia biên tập hoặc biên soạn nội dung tài liệu bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp huyện trở lên;
  - + Tham gia bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên cấp trường trở lên;
  - + Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học Mầm non cấp huyện trở lên;
  - + Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm từ cấp huyện trở lên.
- Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của người có thẩm quyền bổ nhiệm và các minh chứng (nếu có, như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan) về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.04), cụ thể:
  - + Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương về giáo dục mầm non;
  - + Thực hiện sáng tạo, linh hoạt chương trình giáo dục mầm non; hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục mầm non;
  - + Tích cực chủ động phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ;
- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên;
- Giáo viên thăng hạng từ chức danh giáo viên mầm non hạng III lên chức danh giáo viên mầm non hạng II phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự), trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III hoặc ngạch giáo viên mầm non chính (mã số 15a.206) từ đủ 01 (một) năm và thời gian tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.



**c) Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giáo viên tiểu học hạng IV (mã số V.07.03.09) thăng hạng lên Giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08)**

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học hoặc cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương theo quy định;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai trình độ tương đương theo quy định;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng III;

- Bản nhận xét của đại diện Ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của người có thẩm quyền bổ nhiệm và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của chức danh Giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08), cụ thể:

+ Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên tiểu học hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới;

+ Hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm hoặc hướng dẫn đồng nghiệp;

+ Chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ, khối chuyên môn; viết sáng kiến kinh nghiệm; tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp cấp trường trở lên;

+ Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên tiểu học từ cấp trường trở lên;

+ Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách đội giỏi;

+ Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh tiểu học từ cấp trường trở lên.

- Biên bản ghi ý kiến của đại diện Ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của người có thẩm quyền bổ nhiệm và các minh chứng (nếu có, như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan) về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh Giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08), cụ thể:

+ Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;

+ Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục tiểu học;

+ Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học;

+ Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học;

+ Thường xuyên vận dụng và có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

- Giáo viên thăng hạng từ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV lên chức danh giáo viên tiểu học hạng III phải có thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV (mã số V.07.03.08) hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên (không kể thời gian tập sự), trong đó thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV hoặc ngạch giáo viên tiểu học (mã số 15.114) từ đủ 01 (một) năm trở lên và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

***d) Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giáo viên tiểu học hạng III (mã số: V.07.03.08) thăng hạng lên Giáo viên tiểu học hạng II (mã số: V.07.03.07):***

- Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm tiểu học hoặc đại học sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương theo quy định;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai trình độ tương đương theo quy định;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương theo quy định;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II;

- Bản nhận xét của đại diện Ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của người có thẩm quyền bổ nhiệm và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của chức danh Giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.07), cụ thể:

+ Tham gia biên tập, biên soạn, phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng giáo viên, học sinh tiểu học;

+ Chủ trì các hoạt động bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề của nhà trường hoặc tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp từ cấp huyện trở lên;

+ Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên tiểu học từ cấp huyện trở lên;

+ Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên;

+ Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh tiểu học từ cấp huyện trở lên.

- Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của người có thẩm quyền bổ nhiệm và các minh chứng (nếu có, như sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan) về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh Giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.07), cụ thể:

+ Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;

+ Hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục tiểu học;

+ Vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học của đồng nghiệp;

+ Chủ động, tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học;

+ Tích cực vận dụng và có khả năng phổ biến sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng từ cấp huyện trở lên;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên;

- Giáo viên thăng hạng từ chức danh giáo viên tiểu học hạng III lên chức danh giáo viên tiểu học hạng II phải có thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự), trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng III hoặc ngạch giáo viên tiểu học chính (mã số 15a.204) từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp đại học sư phạm trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

***đ) Giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số: V.07.04.12) thăng hạng lên Giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số: V.07.04.11)***

Giáo viên đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12) lên Giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11) khi có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương theo quy định;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai trình độ tương đương theo quy định;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương theo quy định;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở hạng II;

- Bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của người có thẩm quyền bổ nhiệm và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của chức danh Giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11), cụ thể:

+ Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới;

+ Hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm hoặc hướng dẫn đồng nghiệp khi được phân công;

+ Chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ chuyên môn;

+ Viết sáng kiến kinh nghiệm; tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp từ cấp trường trở lên;

+ Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên trung học cơ sở cấp trường trở lên;

+ Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

+ Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh trung học cơ sở từ cấp trường trở lên.

- Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của người có thẩm quyền bổ nhiệm và các minh chứng (nếu có, như sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan) về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh Giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11), cụ thể:

+ Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở;

+ Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình, giáo dục trung học cơ sở;

+ Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học cơ sở;

+ Vận dụng tốt những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp học sinh trung học cơ sở;

+ Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh trung học cơ sở;

+ Có khả năng vận dụng hiệu quả, đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp viết sáng kiến kinh nghiệm, sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên;

+ Có khả năng đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học cơ sở;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

- Giáo viên thăng hạng từ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng III lên chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng II phải có thời gian giữ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng III hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự), trong đó thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III hoặc ngạch giáo viên trung học cơ sở (mã số 15a.202) từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc đại học các chuyên ngành khác phù hợp với bộ môn giảng dạy từ đủ 01 (một) năm trở lên.

### **III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG**

#### **1. Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức bao gồm:**

a) Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc sử dụng viên chức cử tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

b) Đơn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (*theo mẫu*);

c) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, có dán ảnh màu cỡ 4cm x 6cm và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức đối với trường hợp viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý trong thời gian 03 (ba) năm liên tục (năm 2017, 2018, 2019) và tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ, trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại hằng năm của 03 (ba) năm liên tục (năm 2017, 2018, 2019), không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan đơn vị có thẩm quyền (*theo mẫu*);

đ) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực;

e) Bản sao các danh hiệu thi đua các cấp và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm hồ sơ, điểm tăng thêm theo quy định tại về minh chứng và chấm điểm hồ sơ, điểm tăng thêm;

f) Bản sao các văn bản: Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp; Quyết định bổ nhiệm ngạch hoặc Quyết định tuyển dụng để tính thời gian giữ ngạch/chức danh theo quy định; Quyết định bổ nhiệm chức vụ theo quy định (*trường hợp bổ nhiệm Tổ trưởng, tổ phó chuyên môn giữa năm học thì bổ sung thêm căn cứ bổ nhiệm trong trường hợp thay thế người nghỉ hưu, chuyển công tác*).

g) Bản nhận xét của đại diện Ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của người có thẩm quyền bổ nhiệm và các minh chứng dự

báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp đề nghị thăng hạng (theo mẫu); (Thực hiện theo Quy định về các minh chứng, điểm tăng thêm, chấm hồ sơ, sát hạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên các cấp học).

h) Biên bản ghi ý kiến của đại diện Ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của người có thẩm quyền bổ nhiệm và các minh chứng về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp đề nghị thăng hạng (theo mẫu); (Thực hiện theo Quy định về các minh chứng, điểm tăng thêm, chấm hồ sơ, sát hạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên các cấp học).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của giáo viên được xếp theo đúng thứ tự hồ sơ kê trên và được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm (theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức). Mẫu đơn đăng ký dự xét, Sơ yếu lý lịch viên chức, bản nhận xét, đánh giá, Biên bản ghi ý kiến đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình tại địa chỉ "<http://thaibinh.gov.vn>." và Trang Thông tin điện tử Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với các thành phần hồ sơ quy định tại Điểm đ, e và các minh chứng nộp kèm (nếu có) tại Điểm g, h thì yêu cầu cấp trước ngày ban hành Đề án này. Đối với mốc thời gian tính giữ ngạch/chức danh nghề nghiệp và thời gian tốt nghiệp trình độ chuyên môn theo yêu cầu thì tính đến trước ngày ban hành Đề này này 01 (một) ngày.

- Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, viên chức có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu. Cơ quan, đơn vị cử viên chức dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử đi dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

## **2. Về chứng chỉ ngoại ngữ, tin học**

**2.1. Chứng chỉ ngoại ngữ:** Việc sử dụng các loại chứng chỉ ngoại ngữ và hướng dẫn quy đổi các chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định hiện hành

**2.2. Chứng chỉ tin học:** Sử dụng một trong các loại chứng chỉ sau:

a) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

b) Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Khoản 2 Điều 23 Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông);

c) Đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

## **IV. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG**

## **1. Nội dung và hình thức xét thăng hạng**

### **1.1. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học**

a) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên hạng IV lên giáo viên hạng III: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III của mỗi cấp học;

b) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên hạng III lên giáo viên hạng II: Thông qua việc xét, chấm điểm hồ sơ và sát hạch theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II của mỗi cấp học.

1.2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở từ giáo viên hạng III lên giáo viên hạng II: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II của mỗi cấp học;

1.3. Giáo viên mầm non, tiểu học hạng III dự xét thăng hạng lên hạng II khi điểm hồ sơ đạt 100 điểm thì được tham gia sát hạch. Những giáo viên không được tham gia sát hạch được thông báo không đủ điều kiện để tiếp tục xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

1.4. Việc sát hạch được thực hiện thông qua các hình thức làm bài khảo sát: Bài khảo sát được thực hiện thông qua làm bài trắc nghiệm; thời lượng làm bài khảo sát không quá 45 phút; nội dung khảo sát liên quan đến nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp (theo từng hạng chức danh của mỗi cấp học);

*(Có Danh mục tài liệu sát hạch ban hành kèm theo Đề án).*

## **2. Cách tính điểm hồ sơ xét thăng hạng**

2.1. Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

2.2. Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:

a) Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: 5,0 điểm;

b) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;

c) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm;

d) Quy định điểm chi tiết của từng tiêu chí tại phụ lục kèm theo Thông tư này.

2.3. Điểm tăng thêm:

a) Điểm tăng thêm được thực hiện đối với những trường hợp sau: Có trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định của hạng (tính vào điểm của nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng); có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng; giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức), giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế và giáo viên có học sinh đoạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao

khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế (tính vào điểm của nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ);

b) Điểm tăng thêm tính cho mỗi minh chứng của tiêu chuẩn, tiêu chí do Hội đồng xét thăng hạng quy định nhưng không vượt quá 5,0 điểm. Đối với những tiêu chuẩn, tiêu chí có nhiều minh chứng để tính điểm tăng thêm thì chỉ tính điểm tăng thêm cho minh chứng có giá trị cao nhất.

2.4. Đối với những trường hợp được miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên vẫn được tính điểm theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm.

*(Thực hiện theo Quy định về các minh chứng, điểm tăng thêm, chấm hồ sơ, sát hạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên các cấp học).*

### **3. Quy định về cách tính điểm sát hạch**

3.1. Điểm sát hạch chấm theo thang điểm 20, không làm tròn số khi cộng điểm.

3.2. Hội đồng xét quy định điểm cụ thể đối với mỗi câu hỏi ở nội dung khảo sát.

### **4. Trường hợp miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên**

Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập quy định:

4.1. Giáo viên tính đến ngày 31/12/2020, có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ thì được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp.

4.2. Trong trường hợp giáo viên thuộc Khoản 4.1 nêu trên có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

## **V. XÁC ĐỊNH NGƯỜI ĐƯỢC THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

1. Người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;

b) Đối với trường hợp xét hồ sơ: Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Điểm 2.2 Khoản 2 Mục IV thuộc Đề án nêu trên.

Đối với trường hợp xét hồ sơ và sát hạch: Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ 100 điểm trở lên (trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Điểm 2.2 Khoản 2 Mục IV thuộc Đề án nêu trên) và điểm sát hạch phải đạt tối thiểu 10 điểm.

3. Viên chức không trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần này thì không được bảo lưu kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho các kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.



## **VI. THỜI GIAN TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG**

Thời gian thực hiện xét thăng hạng thực hiện trong quý III, IV năm 2020, dự kiến cụ thể như sau:

1. Thu hồ sơ thăng hạng: thực hiện trong quý III, IV năm 2020.
2. Tổ chức thẩm định hồ sơ, xét hồ sơ, sát hạch: thực hiện trong quý IV, dự kiến hoàn thành trước ngày 30/12/2020.

Thời gian tổ chức thực hiện cụ thể sẽ được thông báo sau trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo.

## **VII. NGUỒN KINH PHÍ TỔ CHỨC VÀ LỆ PHÍ XÉT THĂNG HẠNG**

Kinh phí tổ chức xét thăng hạng được sử dụng từ nguồn lệ phí dự xét (Thực hiện theo Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức viên chức) và trích từ ngân sách của tỉnh. Lệ phí xét thăng hạng cụ thể như sau: Thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II, hạng III: 500.000 đồng/người.

## **VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Ủy ban nhân dân tỉnh:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020, Ban Giám sát xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non, phổ thông công lập tỉnh Thái Bình năm 2020; quyết định công nhận kết quả kỳ thi; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức theo thẩm quyền quản lý.

### **2. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tỉnh**

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thành lập theo từng cấp học: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

- Hội đồng được thành lập, hoạt động theo quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ, Thông tư 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 và Thông tư số 29/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành có liên quan.

- Hội đồng xét thăng hạng gồm 07 thành viên gồm: Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên hội đồng, trong đó:

- + Đồng chí Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ tịch Hội đồng;
- + Đồng chí Giám đốc Sở Nội vụ: Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng;
- + Đồng chí Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo: Phó Chủ tịch Hội đồng;
- + Đồng chí Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo: Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

**3. Sở Nội vụ:** Là cơ quan Thường trực Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, chủ trì tham mưu các nội dung sau:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III

lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo thời gian, địa điểm thực hiện các bước cụ thể và hướng dẫn các biểu mẫu, nội dung cụ thể trong tổ chức xét thăng hạng;

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020;

- Tham mưu giúp Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thành lập các Ban giúp việc;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách giáo viên đạt kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020;

**4. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ triển khai thực hiện các nội dung kế hoạch này.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Ban hành Quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020;

+ Ban hành Quy định minh chứng, chấm điểm hồ sơ, điểm tăng thêm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020 chậm nhất sau 07 ngày kể từ ngày ban hành Đề án;

- Ban hành Hướng dẫn sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ và quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020 chậm nhất sau 07 ngày kể từ ngày ban hành Đề án;

- Thông báo công khai Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020;

- Căn cứ vào nhu cầu, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc được giao, đối tượng và danh sách viên chức được các cơ quan, đơn vị đăng ký đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét ban hành kèm theo Đề án, tiếp nhận hồ sơ và lệ phí của người đã đăng ký xét thăng hạng, tổ chức thẩm định hồ sơ, sơ tuyển và lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng kèm theo hồ sơ và lệ phí dự xét quy định gửi về Sở Nội vụ, đồng thời phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

- Chủ trì tham mưu cho Hội đồng xét thăng hạng toàn bộ các nội dung về chấm điểm hồ sơ dự xét thăng hạng và chuẩn bị các nội dung cho Ban xét hồ sơ thuộc Hội đồng xét thăng hạng (*bao gồm cả phần biểu mẫu Biên bản ghi ý kiến trong thành phần hồ sơ của viên chức dự xét*).

**5. Sở Tài chính:** Có trách nhiệm đảm bảo kinh phí triển khai thực hiện Đề án này.

**6. Sở Thông tin và Truyền thông:** Có trách nhiệm đăng tải kịp thời các văn bản triển khai của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Thông báo của Hội đồng thi trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để thông tin tới cơ quan quản lý viên chức và viên chức đăng ký dự xét thăng hạng.

### **7. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**

- Thông báo công khai Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020;

- Căn cứ vào nhu cầu, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc được giao, đối tượng và danh sách viên chức được các cơ quan, đơn vị đăng ký đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét ban hành kèm theo Đề án, tiếp nhận hồ sơ và lệ phí của người đã đăng ký xét thăng hạng, tổ chức thẩm định hồ sơ, sơ tuyển và lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng kèm theo hồ sơ và lệ phí dự xét quy định gửi về Sở Nội vụ, đồng thời phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

### **8. Các đơn vị sự nghiệp công lập**

- Thông báo công khai Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020;

- Căn cứ vào nhu cầu, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc được giao, đối tượng và danh sách viên chức được các cơ quan, đơn vị đăng ký đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét ban hành kèm theo Đề án, thu hồ sơ và lệ phí của người đã đăng ký dự xét, thẩm định hồ sơ, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng kèm theo hồ sơ và lệ phí dự xét quy định gửi cơ quan quản lý trực tiếp.

- Công khai các trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị. Tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại, phản ánh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết. Chịu trách nhiệm về danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử đi dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

**9. Các đơn vị có liên quan:** Có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020 hoàn thành nhiệm vụ.

Trên đây là Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập tỉnh Thái Bình năm 2020, yêu cầu các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nội dung theo đúng quy định. /*trung*

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tài chính;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC *trung*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Nguyễn Khắc Thận**

## PHỤ LỤC DANH MỤC TÀI LIỆU SÁT HẠCH

### **1. Thăng hạng giáo viên mầm non hạng III lên hạng II**

- a) Luật Giáo dục số 43/2019/QH14.
- b) Văn bản số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định Ban hành Điều lệ Trường Mầm non (Văn bản hợp nhất).
- c) Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 28/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.
- d) Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.
- đ) Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đính chính Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- e) Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục mầm non.

### **2. Thăng hạng giáo viên tiểu học hạng III lên hạng II**

- a) Luật Giáo dục số 43/2019/QH14.
- b) Văn bản số hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Ban hành Điều lệ trường Tiểu học (Văn bản hợp nhất).
- c) Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.
- d) Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.
- đ) Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học; Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT.
- e) Công văn số 1315/BGDĐT- GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.